

HƯỚNG DẪN

NGHIỆP VỤ CHO VAY CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Tổng giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn như sau:

1. Mục đích cho vay

NHCSXH cho các hộ gia đình thuộc khu vực nông thôn vay vốn để thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, nhằm nâng cao sức khỏe, cải thiện điều kiện sinh hoạt, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn.

2. Phạm vi áp dụng

Tại 10 tỉnh gồm: Sơn La, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tiền Giang và Kiên Giang. Từ năm 2006 thực hiện mở rộng ra các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

3. Nguyên tắc vay vốn

3.1- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

3.2- Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

4. Điều kiện vay vốn

NHCSXH xem xét và quyết định cho vay khi hộ vay có đủ các điều kiện sau:

4.1- Có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú dài hạn tại khu vực nông thôn nơi chi nhánh NHCSXH đóng trụ sở.

4.2- Chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận.

4.3- Hộ vay không phải thế chấp tài sản nhưng phải là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn, được Tổ bình xét lập thành Danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã.

5. Vốn vay được sử dụng vào các việc

Mua nguyên vật liệu, trả công xây dựng và các chi phí cần thiết khác cho việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (hố xí hoặc hố xí kèm bể biogaz, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; xử lý nước thải, rác thải khu vực làng nghề nông thôn).

6. Thời hạn cho vay

Việc xác định thời hạn cho vay căn cứ vào khả năng trả nợ của hộ vay, nhưng thời hạn cho vay tối đa không quá 60 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 6 tháng. Trong thời gian ân hạn, hộ vay chưa phải trả nợ gốc và lãi tiền vay.

7. Lãi suất cho vay

7.1. Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định từng thời kỳ. Mức lãi suất cho vay hiện hành là 0,5%/tháng.

7.2- Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

8. Mức cho vay

Mức cho vay được xác định căn cứ vào:

- Giá trị dự toán công trình do hộ gia đình lập đối với công trình quy mô hộ gia đình hoặc do đơn vị tư vấn lập đối với công trình tập trung nhưng không được vượt quá giá trị dự toán công trình theo thiết kế mẫu do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định trong từng thời kỳ;

- Nhu cầu xin vay vốn của hộ gia đình.

Nhưng mức cho vay đối với mỗi loại công trình tối đa không quá 4 triệu đồng/hộ.

9. Phương thức ủy thác cho vay

NHCSXH thực hiện phương thức ủy thác cho các tổ chức Chính trị - xã hội trên cơ sở thành lập các Tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ tiết kiệm và vay vốn được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 783/QĐ-HĐQT ngày 29/7/2003 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ phải có Biên bản họp thành lập Tổ và thông qua quy ước hoạt động của Tổ (mẫu số 10/CVHN) có đề nghị của tổ chức Chính trị - xã hội cấp xã trước khi trình UBND cấp xã phê duyệt, công nhận và cho phép hoạt động.

10. Quy trình, thủ tục cho vay

- Hộ gia đình viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm dự toán công trình (mẫu số 01/CVNS) gửi Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn.

- Tổ tiết kiệm và vay vốn cùng tổ chức Chính trị - xã hội tổ chức họp để bình xét những hộ gia đình đủ điều kiện vay vốn, lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (mẫu số 03/CVNS) kèm Giấy đề nghị vay vốn của các Tổ viên trình UBND cấp xã xác nhận về địa chỉ cư trú hợp pháp của các hộ gia đình tại xã, chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ tiết kiệm và vay vốn gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn (gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm dự toán công trình, Danh sách mẫu 03/CVNS, hồ sơ thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn) tới NHCSXH.

- Cán bộ tín dụng nhận hồ sơ vay vốn của Tổ, tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ vay vốn, điều kiện vay vốn để trình trưởng phòng tín dụng (Tổ trưởng tín dụng) và Giám đốc phê duyệt cho vay để làm cơ sở lập thông báo Danh sách các hộ được vay vốn theo mẫu số: 04/CVNS. Khi có phê duyệt Danh sách các hộ được vay vốn, cán bộ tín dụng phối hợp cùng Tổ tiết kiệm và vay vốn hướng dẫn các hộ lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số: 02/CVNS).

- NHCSXH gửi thông báo theo mẫu số 04/CVNS tới UBND cấp xã để thông báo cho tổ chức Chính trị - xã hội nhận ủy thác để thông báo cho Tổ tiết kiệm và vay vốn nhận lại kết quả phê duyệt và thông báo Danh sách các hộ được vay, lịch giải ngân và địa điểm giải ngân tới Tổ viên.

11. Tổ chức giải ngân

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm dự toán công trình, Danh sách các hộ vay vốn mẫu số 03/CVNS và Hợp đồng tín dụng được duyệt, Ngân hàng phối hợp cùng với tổ chức Chính trị - xã hội và Tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức giải ngân đến từng hộ vay. Tùy theo hình thức thi công, NHCSXH tổ chức giải ngân như sau:

a. Đối với công trình của từng hộ riêng biệt do hộ tự làm hoặc thầu khoán, NHCSXH có thể tổ chức giải ngân trực tiếp cho người vay hoặc giải ngân theo phương thức thanh toán tay ba (hộ vay ký nhận tiền vay và số tiền vay này được chuyển thẳng cho đơn vị nhận thầu khoán xây dựng công trình). Căn cứ vào tình hình thực tế, NHCSXH có thể giải ngân một lần hoặc nhiều lần số tiền cho vay được duyệt.

b. Đối với công trình cấp nước và vệ sinh môi trường tập trung (các hộ cùng góp vốn để xây dựng và được sử dụng chung): việc giải ngân thực hiện theo phương thức thanh toán tay ba, hộ nhận nợ NHCSXH và NHCSXH chuyển tiền cho đơn vị nhận thầu. Việc giải ngân thực hiện làm hai đợt: đợt một ứng trước tối đa 70% số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng, đợt hai giải ngân số tiền cho vay còn lại sau khi công trình đã nghiệm thu bàn giao của các bên có liên quan (Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đơn vị xây dựng, các hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình và UBND cấp xã).

12. Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi

12.1. Định kỳ hạn trả nợ: số tiền cho vay được phân kỳ hạn trả nợ 6 tháng 1 lần, phù hợp với khả năng trả nợ của hộ do Ngân hàng và hộ vay thỏa thuận ghi vào Hợp đồng tín dụng.

12.2- Thu nợ gốc: việc thu nợ gốc được thực hiện theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận. Trường hợp khách hàng không trả được số nợ của kỳ hạn trước có thể được chuyển trả vào kỳ hạn tiếp theo.

12.3- Thu lãi: Thu lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc quý do Ngân hàng và hộ vay thỏa thuận.

13- Gia hạn nợ

a. Trường hợp hộ vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, làm thiệt hại đến công trình xây dựng của hộ dân hoặc ảnh hưởng đến đời sống của hộ vay làm cho hộ vay khó khăn trong việc trả nợ và có Giấy đề nghị gia hạn nợ có xác nhận của UBND cấp xã (mẫu số: 07/CVNS) thì NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ.

b. Thời gian cho gia hạn nợ: tùy từng trường hợp cụ thể, NHCSXH có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần nhưng thời gian cho gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay ghi trên Hợp đồng tín dụng.

14- Chuyển nợ quá hạn

a. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích.

- Có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay không được gia hạn nợ thì Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b. Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH phối hợp với tổ chức Chính trị - xã hội, Tổ tiết kiệm và vay vốn, chính quyền sở tại có biện pháp tích cực thu hồi nợ.

15. Xử lý nợ bị rủi ro

15.1- Hộ vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan gây ra như: thiên tai, bão lũ... gây ảnh hưởng đến đời sống của hộ gia đình và làm hư hại công trình xây dựng được xem xét xử lý nợ bị rủi ro theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Tổng giám đốc NHCSXH.

15.2- Những thiệt hại do nguyên nhân chủ quan của hộ vay, của tổ chức nhận ủy thác hoặc của cán bộ, viên chức NHCSXH gây ra thì các đối tượng này phải bồi hoàn và bị xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

16- Kiểm tra vốn vay

Việc kiểm tra, kiểm soát vốn vay được thực hiện như sau:

16.1- Kiểm tra trước khi cho vay: thực hiện từ cơ sở thông qua khâu thẩm định, bình xét, lập Danh sách hộ đề nghị vay vốn do Tổ tiết kiệm và vay vốn và UBND cấp xã thực hiện. Khi nhận được hồ sơ vay vốn, cán bộ cho vay kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, điều kiện vay vốn, đối tượng vay vốn... theo quy định tại văn bản này.

16.2- Kiểm tra trong khi cho vay: kiểm tra việc giải ngân phải đúng tên trên hồ sơ vay vốn, đúng tên trong Danh sách theo mẫu số 03/CVNS đã được phê duyệt.

16.3- Kiểm tra sau khi cho vay: NHCSXH, tổ chức Chính trị - xã hội, Tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện việc kiểm tra sử dụng vốn vay theo định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết.

17- Quyền và nghĩa vụ của các Bên

17.1- Đối với hộ vay vốn:

a. Có quyền trả nợ trước hạn và từ chối các yêu cầu của NHCSXH trái với quy định tại văn bản này.

b. Có nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) đầy đủ, kịp thời; kê khai đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp; thực hiện đầy đủ các cam kết ghi trong hồ sơ vay vốn.

c. Trong thời gian chưa trả hết nợ, hộ dân không được tự động bán, chuyển nhượng, cầm cố công trình cho người khác. Trường hợp các hộ dân bán, chuyển nhượng nhà, đất có chung hoặc có riêng các công trình này thì phải có cam kết trả nợ, được UBND cấp xã và NHCSXH xác nhận, với nguyên tắc người bán phải trả được nợ hoặc người mua phải thừa kế số nợ này.

17.2- Đối với NHCSXH:

a. Có quyền từ chối yêu cầu vay vốn của hộ trái với quy định tại văn bản này và yêu cầu hộ vay trả nợ trước hạn nếu phát hiện hộ sử dụng vốn vay sai mục đích.

b. Có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ theo quy định tại văn bản này.

16- Chế độ báo cáo thống kê:

Ngày 7 hàng tháng, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (mẫu số: 09/CVNS) về Hội sở chính NHCSXH (phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ) để Tổng hợp và báo cáo.

17. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký. Việc bổ sung, sửa đổi văn bản này do Tổng giám đốc NHCSXH quyết định./.

Nơi nhận:

- CN NHCSXH 10 tỉnh, TP có tên tại điểm 2 VB này;
 - Các thành viên HĐQT;
 - Văn phòng CT NSVSM TNT Bộ No&PTNT
 - BDD HĐQT các cấp tại 10 tỉnh, TP có tên tại điểm 2 VB này;
 - Ban Tổng giám đốc;
 - Các phòng, ban tại Hội sở chính;
 - Lưu VP, Phòng KHNV.
- } để phối hợp thực hiện

KT/TỔNG GIÁM ĐỐC *Jb*
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



La Hồng Phong

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIỂM DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

(Dùng cho hộ gia đình vay vốn chương trình NS và VSMTNT)

Kính gửi: CHI NHÁNH NHCSXH

Tên tôi là: Năm sinh:
 CMND số: Ngày cấp: .. / .. / Nơi cấp:
 Hiện cư trú tại: Thôn (bản) Xã (phường)
 Huyện (thị xã): Tỉnh (thành phố):
 Là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn do ông (bà)..... làm Tổ trưởng
 Họ tên người thừa kế: Quan hệ với chủ hộ:
 Tôi viết giấy này, đề nghị Ngân hàng xem xét cho tôi vay số tiền: đ
 (Bằng chữ:)
 để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường theo dự toán sau:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Công trình	Hình thức xây dựng	Chi phí đầu tư				Trong đó:	
		Tổng số tiền	Trong đó:			Vốn của gia đình tham gia (Tiền mặt và giá trị ngày công lao động)	Vốn vay Ngân hàng
			Giá trị vật liệu	Chi phí nhân công	Chi phí khác		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8
1. Công trình vệ sinh							
2. Công trình cấp nước nhỏ lẻ							
3. Công trình cấp nước tập trung (Khoản vốn gia đình tham gia đóng góp)							
4.....							
Cộng:							

+ Thời hạn xin vay: tháng. + Ngày trả nợ cuối cùng: .. / .. /.....
 + Tiền gốc xin trả: kỳ. + Lãi suất: %/ tháng.
 + Lãi tiền vay xin trả theo:

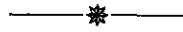
Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng hạn, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ý kiến của Tổ tiết kiệm và vay vốn
 Tổ đã họp và bình xét hộ vay vốn
 ngày ... / ... /..., nhất trí đề nghị
 Ngân hàng cho ông (bà)
 vay số tiền là
đồng.
 (Đại diện Tổ ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm 200 ..

Người vay Người thừa kế
 (Ký tên hoặc điểm chỉ)

--	--



HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/HĐTD

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ văn bản số/NHCS-KH ngày .../.../..... của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) V/v hướng dẫn nghiệp vụ cho vay Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ hồ sơ vay vốn của ông (bà) và kết quả phê duyệt cho vay của NHCSXH.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 200... tại

Chúng tôi gồm:

BÊN CHO VAY (BÊN A):

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ:

Người đại diện là ông (bà): Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu có) số: do ông (bà) ủy quyền.

BÊN VAY (BÊN B):

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

CMND số: ngày cấp: nơi cấp:

Người thừa kế: quan hệ với chủ hộ

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng theo các nội dung thỏa thuận dưới đây:

Điều 1. Số tiền cho vay, mục đích sử dụng tiền vay

Số tiền cho vay bằng số:

Bằng chữ:

Mục đích sử dụng tiền vay:

Điều 2. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay:%/ tháng.
- Lãi tiền vay trả theo định kỳ: /1 lần, vào ngày
- Lãi suất nợ quá hạn bằng %/tháng.

Điều 3. Thời hạn cho vay và định kỳ trả nợ

Thời hạn cho vay: tháng, trong đó thời gian ân hạn.....tháng.

Hạn trả nợ cuối cùng: / /

Việc phát tiền vay, theo dõi dư nợ và định kỳ trả nợ cụ thể được thực hiện theo phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

Trường hợp bên B rút tiền vay nhiều lần thì mỗi lần nhận tiền vay bên B lập một giấy nhận nợ gửi bên A (mẫu số 08/CVNS).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

4.1. Bên A có quyền:

- a) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của bên B;
- b) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm Hợp đồng tín dụng;
- c) Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn theo quy định của NHCSXH.
- d) Khiếu nại, khởi kiện vi phạm Hợp đồng này theo quy định của pháp luật.

4.2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng;
- b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định hiện hành của NHCSXH.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

5.1. Bên B có quyền:

- a) Trả nợ trước hạn ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- b) Từ chối yêu cầu của bên A không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

5.2. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- c) Trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ, trả lãi tiền vay.

Điều 6. Một số thỏa thuận khác

HL

Trong thời gian chưa trả hết nợ, bên B không được tự động bán, chuyển nhượng, cầm cố công trình cho người khác. Trường hợp bên B bán, chuyển nhượng nhà, đất có chung hoặc có riêng các công trình này thì phải có cam kết trả nợ, được UBND cấp xã và NHCSXH xác nhận, với nguyên tắc người bán phải trả được nợ hoặc người mua phải thừa kế số nợ này.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Khi một trong hai bên muốn có sự thay đổi nội dung điều khoản nào của Hợp đồng này thì gửi đề xuất tới bên kia bằng văn bản. Nếu bên kia chấp thuận, hai bên sẽ ký bổ sung điều khoản thay đổi đó trong một thỏa thuận bằng văn bản đi liền với Hợp đồng này.

Điều 8. Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa kinh tế.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, các bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý khi bên B hoàn trả xong cả gốc và lãi.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

HL

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

A. Phân theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền cho vay	Lãi suất %/tháng	Hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền trả nợ		Dư nợ	Chữ ký	
					Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán

XLB

B. Kế hoạch trả nợ - Gia hạn nợ

Ngày, tháng, năm	Kế hoạch trả nợ (số tiền)	Gia hạn nợ		Chữ ký	
		Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Người vay	Cán bộ Ngân hàng

XB

Tên tổ TK&VV:
 Thôn:
 Xã:
 Huyện:

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐỀ NGHỊ
 VAY VỐN CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH
 MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**

Mẫu số: 03/CVNS
 Lập 03 liên:
 - 02 liên lưu NH
 (01 liên đóng chứng từ,
 01 liên lưu hồ sơ cho vay)
 - 01 liên lưu tổ TK&VV

Tại cuộc họp các thành viên trong Tổ TK&VV ngày / / đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn Tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

STT	Họ và tên	Địa chỉ cư trú	Tên công trình xin vay vốn			Đề nghị của tổ			Phê duyệt của Ngân hàng	
			Xây dựng mới	Cải tạo nâng cấp	Số tiền vay	Đổi tương vay	Thời hạn vay	Số tiền cho vay	Thời hạn cho vay	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1										
2										
3										
.....										
	Công:									

Đơn vị: nghìn đồng

**Cam kết của
 Tổ TK&VV**

Toàn Tổ cam kết giúp đỡ nhau sử dụng vốn vay đúng mục đích và đôn đốc nhau trả nợ gốc và lãi tiền vay theo kỳ hạn đã cam kết

Tổ trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
Phân xác nhận của UBND xã

Các hộ trong danh sách đề nghị vay vốn đợt này cư trú hợp pháp tại xã và chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hoặc đã có nhưng chưa đủ tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Số hộ được phê duyệt vay vốn:
 - Tổng số tiền cho vay:
 - Số hộ chưa được vay:
- (Có số thứ tự trong danh sách là:)

Ngày..... tháng..... năm
Phê duyệt của Ngân hàng

T/M UBND xã
 (Ký tên, đóng dấu)

Cán bộ tín dụng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Kb

THÔNG BÁO

(Về việc phê duyệt Danh sách các hộ gia đình được vay vốn
chương trình nước sạch và VSMT nông thôn)

Kính gửi: UBND xã

Căn cứ kết quả phê duyệt Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn (ấp) ngày / /, do ông (bà) làm Tổ trưởng, Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo Danh sách các hộ gia đình được duyệt vay vốn như sau:

1- Tổng số hộ được vay đợt này (theo Danh sách mẫu số 03/CVNS đính kèm):hộ
Số tiền: * Bằng số:đồng.
* Bằng chữ: đồng.

2- Số hộ chưa được vay đợt này:hộ.

- Có số thứ tự trong Danh sách là:
- Số tiền: * Bằng số: đồng.
* Bằng chữ: đồng.

3- Lý do:

4- Lịch phát tiền vay vào giờ phút, ngày tháng năm tại địa điểm

Đề nghị UBND xã thông báo cho tổ chức Chính trị - xã hội biết để thông báo cho Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn để Tổ thông báo cho các hộ gia đình được vay đến địa điểm theo thời gian nói trên nhận tiền vay.

LẬP BẢNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Thông báo chuyển nợ quá hạn

Kính gửi: Ông (Bà) Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn
thôn:, xã, huyện

Ngân hàng thông báo cho ông (bà) biết để thông báo tới các thành viên của Tổ có tên dưới đây về việc chuyển sang nợ quá hạn do sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc không trả nợ vay đúng hạn.

STT	Họ và tên	Số tiền gốc chuyển sang nợ quá hạn	Ngày chuyển nợ quá hạn	Lý do
1	2	3	4	5
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
.....				

Lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay.

Đề nghị ông (bà) đôn đốc và cùng với các thành viên trong Tổ giúp đỡ nhau, tìm biện pháp để trả nợ đầy đủ.

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Handwritten signature

NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

CHI NHÁNH:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 06/CVNS
Lập 01 lần: lưu NH

PHIẾU KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY
(Định kỳ hoặc đột xuất)

Họ và tên cán bộ kiểm tra:, Chức vụ:,
Thời điểm kiểm tra:, địa bàn kiểm tra:

STT	Số hợp đồng tín dụng	Họ và tên người vay	Số tiền vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Số tiền thực nhận	Thực tế sử dụng		Số tiền sử dụng sai mục đích	Ký xác nhận của người vay
						Vào việc	Số tiền		
1									
2									
3									
4									
...									

Nhận xét: Kiểm tra, đối chiếu thực tế được: hộ, số tiền: đồng
Trong đó: - Số hộ sử dụng đúng mục đích: hộ, số tiền: tỷ trọng: %
- Số hộ sử dụng đúng mục đích: hộ, số tiền: tỷ trọng: %
Biện pháp xử lý:

....., ngày..... tháng năm
Cán bộ kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

-----*****-----

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ
(Dùng cho hộ gia đình vay vốn chương trình NS và VSMTNT)

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH

Tên tôi là: Năm sinh:

Hiện cư trú tại:

Là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn:

Có Hợp đồng tín dụng số:; ngày tháng năm

Hiện nay tôi còn nợ Ngân hàng số tiền gốc: đồng; số tiền lãi: đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả vào ngày tháng năm, nhưng đến nay tôi chưa trả được nợ vì lý do sau đây:

-
-

Đề nghị NHCSXH xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc nói trên đến ngày tháng năm

Tôi xin cam kết trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn.

Ý kiến của Tổ TK&VV

.....
.....
.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng năm

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến của cán bộ tín dụng

.....
.....
.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến của UBND xã

.....
.....
.....

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

Đề nghị cho gia hạn nợ

Số tiền: đồng

Thời hạn tháng

Trưởng phòng tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Đồng ý cho gia hạn nợ

Số tiền: đồng

Thời hạn tháng

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

✓

....., ngày ... tháng ... năm 200 ..

GIẤY NHẬN NỢ

(Dùng trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được phát tiền vay từ 2 lần trở lên)

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: ngày ... tháng ... năm 200 .. đã ký giữa chi nhánh NHCSXH và ông (bà).....

Hôm nay, ngày tháng năm 200 ... tại

Tên người vay:

Địa chỉ cư trú: Thôn: xã:.....

huyện: tỉnh:

CMND số:..... ngày cấp/...../..... nơi cấp: Theo giấy

ủy quyền (nếu có) số: ngày tháng năm 200

Mức cho vay được duyệt:

Dư nợ trước ngày nhận nợ lần này:

Số tiền nhận nợ lần này:

Bằng chữ:

Tổng dư nợ sau lần nhận nợ:

Mục đích sử dụng tiền vay:

-

-

-

Hạn trả nợ cuối cùng.

Lãi suất: %/tháng, lãi suất nợ quá hạn: %/tháng.

NGƯỜI VAY
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY NƯỚC SẠCH
VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**
Tháng năm

STT	Xã (huyện, tỉnh)	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Số hộ	Số tiền			Tổng số công trình đã cho vay 12=13+14+15	Trong đó			
		Tháng này	Lũy kế	Tháng này	Lũy kế		Tổng số	Số tiền			Công trình nước sạch	Công trình vệ sinh	Công trình khác	
						Số tiền		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh				
							8	9	10		11	13	14	15
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15
	Cộng													

Ghi chú: Huyện tổng hợp theo xã, tỉnh tổng hợp theo huyện, Hội sở chính tổng hợp theo tỉnh

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)